

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2021
V/v tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé;
2. Ông Tôn Phước Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 725/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo thông báo mở lại phiên tòa số 09/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; xin vắng mặt

Người bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Thu N: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Văn P thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Bùi Thanh S, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Thu N trình bày: Bà và ông Bùi Thanh S tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống, bà và ông S sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Bà và ông S ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, bà Lê Thị Thu N xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thanh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Bùi Mạnh H, sinh ngày 15/9/2004; hiện con chung do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Bùi Thanh S đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn, ông Bùi Thanh S vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu N với ông Bùi Thanh S.

Bà Lê Thị Thu N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bùi Mạnh H, sinh ngày 15/9/2004; ông Bùi Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Bùi Thanh S đang cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Thu N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thanh S, yêu cầu được nuôi con chung. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn bà Lê Thị Thu N, bị đơn ông Bùi Thanh S.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S .

** Về nội dung:*

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông S tự nguyện sống chung với nhau năm 2003, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 10/6/2003 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà N, ông S . Vì vậy, hôn nhân giữa bà N và ông S là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà và ông S bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, bà và ông S không còn sống chung từ năm 2018 đến nay, ông S không tới lui hàn gắn tình cảm và chăm sóc con chung; bà N nộp đơn khởi kiện ly hôn Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không đến Tòa án để làm việc, thể hiện ông S không mong muốn hàn gắn tình cảm với bà N.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, chứng cứ trong hồ sơ, thể hiện giữa bà N, ông S không còn tình cảm, bà N, ông S đã ly thân trong thời gian dài, không liên lạc với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[5]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Bùi Mạnh H, sinh ngày 15/9/2004. Hiện cháu H do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà

N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu H đã sống ổn định với bà N. Bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông S cũng không có ý kiến phản đối. Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung chưa thành niên cháu H có nguyện vọng sống với bà N, biên bản xác minh ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thì cháu H sống với bà N phát triển tốt về tinh thần và thể chất, nhà bà N gần trường học, trạm y tế, đảm bảo về việc học hành cũng như chăm sóc sức khỏe cho cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà N là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8]. Về nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[9]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về quan điểm giải quyết án.

[10]. Về án phí: Bà Lê Thị Thu N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Thu N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 10/6/2003 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang cấp bà Lê Thị Thu N, ông Bùi Thanh S không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Thu N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Bùi Mạnh H, sinh ngày 15/9/2004.

Ông Bùi Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Thu N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Bùi Thanh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008992 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà N đã nộp đủ.

Bà N, ông S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thi